

Bản án: 13 /2018/HNGĐ - ST

Ngày 28 - 08 - 2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Bà Nguyễn Thị Bắc;

2- Bà Chu Thị Hảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2018/QĐST- DS, ngày 09/8/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị N T H**, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn S 2, xã H S, huyện S Đ, tỉnh B G.

*** Bị đơn: Anh H1 V C**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã A L, huyện S Đ, tỉnh B G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị N T H trình bày: Chị kết hôn cùng anh H1 V C vào tháng 01 năm 2013, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có

đăng ký kết hôn tại UBND xã A L vào ngày 03/9/2013. Cưới xong chị về gia đình anh C ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối đầu năm 2017, do vợ chồng không hợp nhau, anh C không quan tâm đến vợ con, bảo nhau không ai nghe ai trong cuộc sống nên hay cãi nhau và anh C đuổi chị ra khỏi nhà; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay, hiện chị đã về bên ngoại ở.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu H1 H2 Linh, sinh ngày 19/9/2013, hiện nay cháu đang ở cùng bố mẹ đẻ và anh C; anh C đi làm ăn không có mặt tại địa phương, nay chị không biết địa chỉ ở đâu, nên chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị hiện nay có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ và làm công nhân có mức thu nhập 7.000.000đ/tháng đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu trưởng thành.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh H1 V C vắng mặt tại nơi cư trú nhưng đã được Tòa án giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập giao cho bố mẹ đẻ anh Cường và niêm yết tại địa phương để anh C biết đến làm việc theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy gia đình anh C đã thông báo bằng điện thoại cho anh C biết về việc Tòa án đã giao Thông báo thụ lý, triệu tập làm việc nhiều lần cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh C không chấp hành đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh C.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị N T H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, còn bị đơn không chấp hành là vi phạm pháp luật; do Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên toà, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N T H và anh H1 V C được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị N T H nuôi dưỡng cháu H1 H2 L, sinh ngày 19/9/2013; Về cấp dưỡng chị H không có yêu cầu.

Về án phí: Chị N T H, anh H1 V C là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Hàu Văn Cường vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Cường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn chị N T H cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Chị N T H kết hôn cùng anh H1 V C vào tháng 01 năm 2013, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A L số: 14/2013, ngày 03/9/2013; Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 9/2017, do vợ chồng không hợp nhau, anh C không quan tâm đến vợ con, bảo nhau không ai nghe ai trong cuộc sống nên hay cãi nhau và anh C đuổi chị H ra khỏi nhà; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Hiện nay anh C không có mặt tại địa phương, gia đình chị H và gia đình anh C hiện đều không biết anh C đang sống làm gì ở đâu. Mặc dù anh C kiên quyết không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án; xét thấy lời khai của chị H, lời khai của gia đình anh Cg cung cấp và xác minh tại UBND xã A L, huyện S Đ thì thấy: Anh C đã không có mặt tại gia đình, không quan tâm giúp đỡ đến vợ và không quan tâm, chăm sóc con; anh C vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; cần chấp nhận

đơn khởi kiện của chị H; cho chị H và anh C được ly hôn nhau theo khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Do anh C không có mặt tại nơi cư trú nên giao cho chị N T H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hầu Hoài L, sinh ngày 19/9/2013. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H, anh C là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí DSST ly hôn theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N T H và anh H1 V C được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị N T H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hầu Hoài L, sinh ngày 19/9/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu.

Anh Cường có quyền thăm con sau khi ly hôn không ai được cản trở anh Cường.

[3] Về án phí: Chị N TH, anh H1 V C được miễn án phí DSST ly hôn.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã An Lạc;
- Lưu .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn